

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07 /2020/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, thực hiện
dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2015/NĐ-CP); Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 42/2017/NĐ-CP); Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 63/2015/NĐ-CP); Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 84/2015/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 164/SKHĐT-TĐGSĐT ngày 04/02/2019; ý kiến tham định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 14/BC-STP ngày 10/01/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý, thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/3/2020 và thay thế Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng công trình bằng

nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và các quy định khác của Ủy ban nhân dân tỉnh trái với Quyết định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có phát sinh các quy định mới của pháp luật thì áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các dự án có sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH và Báo Hà Tĩnh;
- Website Chính phủ;
- Các PVP;
- Trung tâm Thông tin - Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, XD₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Tiến Hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về quản lý, thực hiện dự án đầu tư công
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày
28/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định một số nội dung và phân công, phân cấp, quản lý, thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
2. Đối tượng áp dụng:
 - a) Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
 - b) Khuyến khích tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng công trình bằng nguồn vốn khác áp dụng theo quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý đầu tư công

Việc quản lý đầu tư công phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, đồng thời đảm bảo theo các nguyên tắc sau:

1. Tất cả các dự án đầu tư công phải được quản lý và tổ chức thực hiện một cách chặt chẽ; đúng trình tự quy định, tiến độ được duyệt; bảo đảm đầu tư tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp khả năng cân đối nguồn lực; không để thất thoát, lãng phí; an toàn trong xây dựng, vận hành, khai thác, sử dụng công trình, phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
2. Trình tự thực hiện, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt các bước triển khai dự án phải thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Quyết định này.
3. Tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động đầu tư công phải đúng chức năng, thẩm quyền, đảm bảo đủ năng lực để tổ chức, thực hiện tốt nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm bồi thường nếu gây ra thiệt hại.

Điều 3. Phân loại dự án đầu tư công

1. Phân loại dự án đầu tư công thực hiện theo Điều 6 Luật Đầu tư công năm 2019.
2. Dự án đầu tư xây dựng có nhiều hạng mục, thuộc nhiều ngành, lĩnh vực

khác nhau, việc phân loại dự án căn cứ vào giá trị cấu phần xây dựng của ngành, lĩnh vực chiếm tỷ lệ vốn lớn nhất.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án

1. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A do địa phương quản lý; dự án nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý theo phân cấp quản lý công trình, sử dụng vốn ngân sách tỉnh, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, các nguồn vốn hợp pháp thuộc cấp tỉnh quản lý, trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C do cấp huyện, cấp xã quản lý theo phân cấp quản lý công trình, trừ các dự án quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư thì Ủy ban nhân dân cùng cấp tiến hành các thủ tục, trình tự theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 5. Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án

1. Trên cơ sở dự kiến khả năng cân đối vốn ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển trong giai đoạn 5 năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo dự kiến mức vốn cho từng địa phương, đơn vị (theo phân cấp) để tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

2. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương dự án phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Xây dựng năm 2014; báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A không có cấu phần xây dựng và báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C thực hiện theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Luật Đầu tư công năm 2019.

Điều 6. Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án

1. Đối với dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh

thành lập Hội đồng thẩm định do Chủ tịch hoặc một Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định và các sở, ban, ngành liên quan là thành viên để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

2. Đối với dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án.

Trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý; trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án.

3. Đối với dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý.

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án (trường hợp được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao).

Điều 7. Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn

1. Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn là một nội dung trong thẩm định chủ trương đầu tư.

2. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh (trường hợp được Hội đồng nhân dân tỉnh giao): Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

3. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (trường hợp được Hội đồng nhân dân cấp huyện giao): Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao phòng, ban chuyên môn có chức năng quản lý đầu tư công chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý, bao gồm cả nguồn vốn được phân cấp quản lý.

4. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (trường hợp được Hội đồng nhân dân cấp xã giao): Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư (bao gồm cả dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư), trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Đầu tư công năm 2019.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quyết định đầu tư dự án trên địa bàn khu kinh tế, có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư (bao gồm cả dự án được Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư), trừ dự án quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 9. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án do cấp tỉnh quản lý

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình cấp có thẩm quyền thẩm định, quyết định đầu tư;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan để tổ chức thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng;

c) Nội dung thẩm định: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật Đầu tư công năm 2019;

2. Đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình cấp có thẩm quyền thẩm định, quyết định đầu tư;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao phòng, ban chuyên môn có chức năng quản lý đầu tư công để tổ chức thẩm định dự án;

c) Hội đồng thẩm định hoặc phòng, ban chuyên môn có chức năng quản lý đầu tư công thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật Đầu tư công năm 2019;

d) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đầu tư.

Điều 10. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng

1. Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật trình cấp có thẩm quyền thẩm định và quyết định đầu tư.

2. Thẩm định dự án

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ (sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) và các nội dung khác quy định khoản 3 Điều 58 Luật Xây dựng đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C, trừ các dự án do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quản lý và các dự án quy định tại điểm a, khoản này;

c) Đối với dự án sử dụng vốn hỗn hợp có phần tham gia bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng lớn hơn 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án thì được tổ chức thẩm định như đối với dự án sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách;

d) Đối với dự án sử dụng vốn khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 57 Luật Xây dựng và điểm c khoản 1 Điều này do người quyết định đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Điều 60 Luật Xây dựng tự tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án trong phạm vi quyền hạn theo quy định của pháp luật;

e) Cơ quan chủ trì thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan về các nội dung của dự án. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm góp ý kiến bằng văn bản trong thời hạn quy định về các nội dung của thiết kế cơ sở; phòng chống cháy nổ; bảo vệ môi trường; sử dụng đất đai, tài nguyên, kết nối hạ tầng kỹ thuật và các nội dung cần thiết có liên quan đến dự án;

3. Phân cấp trong công tác thẩm định: Thực hiện theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

4. Tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án

a) Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định là cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc người quyết định đầu tư thì cơ quan này có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

b) Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định không phải là cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc người quyết định đầu tư thì người quyết định đầu tư xem xét, giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án.

Điều 11. Điều chỉnh dự án

Thực hiện theo Điều 43, Luật Đầu tư công năm 2019.

Điều 12. Hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo Điều 63 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 17 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sửa đổi tại khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ);

Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện vai trò của chủ đầu tư đồng thời ký kết hợp đồng với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng của cấp huyện hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quy định tại Khoản 5 Điều 17 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng để thực hiện quản lý dự án;

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Căn cứ quy mô, tính chất, yêu cầu quản lý và điều kiện cụ thể của dự án, người quyết định đầu tư quyết định một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án sau:

a) Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng. Trường hợp, không đủ năng lực, kinh nghiệm trong việc quản lý dự án thì được phép thuê Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực thực hiện quản lý;

b) Chủ đầu tư thuê Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực thực hiện quản lý dự án có tổng mức trên 15 tỷ đồng. Trình tự, thủ tục thuê tư vấn quản lý dự án thực hiện tương tự như đối với dự án có cấu phần xây dựng.

3. Đối với dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới: Thực hiện theo cơ chế đầu tư quy định tại Quyết định phê duyệt chương trình của cấp có thẩm quyền.

Điều 13. Lựa chọn nhà thầu

1. Tất cả các gói thầu trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu phải được người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Việc áp dụng hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu đối với tất cả các trường hợp: Đấu thầu rộng rãi; đấu thầu hạn chế; chỉ định thầu; chào hàng cạnh tranh; mua sắm trực tiếp; tự thực hiện; lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; tham gia thực hiện của cộng đồng thực hiện theo Luật Đấu thầu năm 2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Không tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với những gói thầu chưa xác định nguồn vốn hoặc phương thức thu xếp vốn, thời gian cấp vốn để thanh toán cho đơn vị trúng thầu.

3. Đối với việc triển khai các gói thầu kiểm toán: Thực hiện theo quy định về việc quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công của Bộ Tài chính.

4. Đối với các gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dưới 09 tháng, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí dự phòng được tính bằng không (0).

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu

a) Đối với từng gói thầu yêu cầu nêu rõ hình thức lựa chọn nhà thầu; lựa chọn nhà thầu trong nước hay quốc tế, có hoặc không áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn. Trường hợp lựa chọn áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi thì không cần giải trình lý do áp dụng; trường hợp áp dụng đấu thầu quốc tế thì cần giải trình lý do áp dụng đấu thầu quốc tế;

b) Các chủ đầu tư, bên mời thầu chịu trách nhiệm áp dụng hình thức đấu thầu qua mạng đảm bảo đáp ứng tỷ lệ, giá trị tối thiểu theo lộ trình quy định của Pháp luật về đấu thầu và của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Trường hợp áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu, giá gói thầu khi trình kế hoạch đấu thầu phải trừ tiết kiệm theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Chủ đầu tư, bên mời thầu phải chịu trách nhiệm lựa chọn các nhà thầu có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của gói thầu để mời tham gia và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn của mình.

Điều 14. Giám sát đánh giá đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công

1. Các chủ thể thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư quy định tại Điều 3 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP của Chính phủ phải thực hiện đúng nguyên tắc theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố; các chủ đầu tư; ban quản lý dự án; chủ sử dụng dự án chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo kế hoạch hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, do ngân sách cấp xã đảm bảo. Mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã bố trí phù hợp với kế hoạch hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng do Hội đồng nhân dân xã quyết định và đảm bảo mức kinh phí tối thiểu 05 triệu đồng/năm.

Việc lập dự toán, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách cấp xã và các hoạt động tài chính khác của cấp xã.

Điều 15. Thanh, quyết toán vốn đầu tư

1. Việc quản lý, thanh quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án thuộc nguồn vốn Nhà nước: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

a) Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán đối với các dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho các cơ quan cấp dưới quyết định đầu tư;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổ chức thẩm tra quyết toán và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 16. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, di dời tái định cư

1. Nguyên tắc chung

a) Đồng thời với quá trình lập dự án đầu tư, chủ đầu tư chịu trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường, GPMB của địa phương tổ chức điều tra, khảo sát, lập phương án sơ bộ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có);

b) Phương án sơ bộ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có) là một phần tài liệu kèm theo trong thuyết minh hồ sơ dự án để cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định và phê duyệt.

c) Trường hợp dự án có xây dựng khu tái định cư thì hồ sơ dự án phải bao gồm thiết kế sơ bộ khu tái định cư để cơ quan chuyên môn tiến hành thẩm định đồng thời với dự án đầu tư.

d) Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm đánh giá tính khả thi đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có) trước khi trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

a) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương công bố quy hoạch, cấm mốc phạm vi bồi thường, giải phóng mặt bằng; cung cấp các loại hồ sơ, tài liệu liên quan cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất phải thu hồi để thực hiện các hồ sơ, thủ tục liên quan.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chịu trách nhiệm thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án; đồng thời chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và các phòng ban chuyên môn có liên quan tổ chức thực hiện việc lập hồ sơ, thông báo thu hồi đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện; lập hồ sơ thông báo thu hồi đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho các trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Sau khi có thông báo thu hồi đất của cấp có thẩm quyền, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện tổ chức phát thông báo đến từng đối tượng bị ảnh hưởng, công khai lộ trình, thời gian thực hiện việc kiểm kê, áp giá, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất theo đúng quy định tại Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Chương III **PHÂN CẤP QUẢN LÝ ĐẦU TƯ**

Điều 17. Phân cấp quản lý nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách tỉnh

1. Nguyên tắc phân cấp

a) Phân cấp quản lý nguồn vốn ngân sách tỉnh cho cấp huyện gắn với quản lý công trình theo phân cấp nhằm đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu quả đầu tư, thực hiện hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và gắn trách nhiệm toàn diện theo phân cấp;

b) Cấp huyện được phép sử dụng nguồn vốn theo phân cấp để đầu tư các dự án thuộc cấp xã quản lý theo phân cấp quản lý công trình.

c) Ngân sách tỉnh không trực tiếp bố trí kế hoạch vốn đầu tư cho các dự án do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư ngoài phần vốn được phân cấp, trừ trường hợp đặc biệt và các dự án khẩn cấp cần phải triển khai ngay theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Triển khai đầu tư theo phân cấp

a) Căn cứ mức vốn ngân sách tỉnh được thông báo cho từng địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua của từng giai đoạn, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập, thẩm định (bao gồm cả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn), trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư, hoặc tự quyết định chủ trương đầu tư dự án (trong trường hợp được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao) theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Căn cứ quyết định chủ trương đầu tư được duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện sắp xếp dự án theo thứ tự ưu tiên và lập danh mục gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục và mức vốn cụ thể cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 05 năm;

c) Hàng năm, trên cơ sở số vốn dự kiến phân bổ cho năm sau, Sở Kế hoạch và Đầu tư kịp thời thông báo cho các địa phương làm căn cứ lập, giao kế hoạch hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh được phân cấp quản lý phải đảm bảo cơ cấu nguồn vốn này không thấp hơn 90% tổng mức đầu tư. Trong trường hợp đặc biệt cần giảm tỷ lệ phần vốn ngân sách tỉnh trong cơ cấu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, xin ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi thực hiện.

Điều 18. Đầu tư dự án theo phân cấp quản lý

1. Căn cứ quy định về phân cấp quản lý công trình, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, duy tu, sửa chữa các công trình đúng thẩm quyền theo phân cấp.

2. Một số trường hợp khác đối với các công trình do cấp huyện, cấp xã quản lý mà địa phương không đủ nguồn lực đầu tư:

a) Đối với các dự án cần khắc phục khẩn cấp theo Khoản 14, Điều 4, Luật Đầu tư công năm 2019 thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 42, Luật Đầu tư công năm 2019;

b) Đối với các dự án thực sự cần thiết phải đầu tư, thuộc dự án nhóm B thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, các nguồn vốn hợp pháp thuộc cấp tỉnh quản lý.

3. Trường hợp dự án hỗn hợp gồm nhiều loại công trình theo nhiều cấp quản lý khác nhau hoặc công trình chưa xác định được cấp quản lý thì việc tiến hành đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo công trình đó phải có ý kiến thỏa thuận của Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (đối với công trình do cấp tỉnh quản lý) hoặc Ủy ban nhân dân huyện (đối với công trình do cấp huyện quản lý) về quy mô, giải pháp kỹ thuật trước khi quyết định chủ trương đầu tư.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh, chịu trách nhiệm:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quy chế phối hợp giữa các ngành, các cấp của địa phương trong việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư dự án do địa phương quản lý;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương của Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Tổ chức, hướng dẫn nghiệp vụ về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án và quyết định đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh;

d) Là cơ quan đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của tỉnh; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các cấp, đơn vị trực thuộc, các dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp dưới; chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 66 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng và quản lý nhà nước một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện đúng quy định của pháp luật về xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng;

c) Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch đối với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh và các phòng chuyên môn về xây dựng cấp huyện trong công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế công trình;

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình xây dựng chuyên ngành;

e) Thực hiện thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng đối với công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị).

3. Sở Giao thông vận tải: Thực hiện thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng đối với công trình giao thông trừ công trình do Sở Xây dựng thẩm định quy định tại điểm e khoản 2 điều này.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thực hiện thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng đối với đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

5. Sở Công Thương: Thực hiện thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng đối với công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây truyền tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành, trừ các công trình công nghiệp do Sở Xây dựng thẩm định quy định tại khoản 2 điều này.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: Là cơ quan chuyên môn về công nghệ thông tin và truyền thông trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án thuộc đối tượng lập báo cáo nghiên cứu khả thi; thiết kế chi tiết, dự toán dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đối với dự án thuộc đối tượng lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và các nhiệm vụ khác theo quy định tại Khoản 1, Điều 61, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch; thực hiện thẩm định dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích đối với di tích cấp tỉnh và các nhiệm vụ khác theo quy định Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ.

8. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy định về công tác thanh, quyết toán vốn đầu tư;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án sử dụng vốn đầu tư công; Chịu trách nhiệm trong việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn từ ngân sách tỉnh.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về công tác đánh giá tác động môi trường, đất đai;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy định về cơ chế, chính sách về bồi thường, giải phóng mặt bằng.

10. Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã:

a) Quyết định hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương;

b) Giám sát việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án do địa phương quản lý.

11. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

a) Quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao nhiệm vụ; quyết định đầu tư các dự án do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư;

b) Tổ chức tham vấn lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư về chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án theo quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư các dự án đầu tư công của các đơn vị cấp dưới;

d) Có trách nhiệm quản lý nhà nước về những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của quyết định này trên địa bàn hành chính của mình theo phân cấp; chỉ đạo, kiểm tra phòng có chức năng quản lý về xây dựng trực thuộc tổ chức thực hiện công tác thẩm định dự án, thiết kế, dự toán xây dựng các công trình theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ chức công tác giám sát đầu tư của cộng đồng, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu; chịu trách nhiệm bố trí địa điểm làm việc để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng; tạo điều kiện sử dụng các phương tiện thông tin, liên lạc của Ủy ban nhân dân xã phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng.

12. Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực được giao phụ trách có trách nhiệm phối hợp, tham gia thẩm định dự án khi cơ quan chủ trì yêu cầu; tổ chức kiểm tra, giám sát quá

trình triển khai thực hiện dự án; kịp thời xử lý những vi phạm (nếu có).

13. Các cơ quan Nhà nước chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của Ủy ban nhân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Lĩnh vực kế hoạch và đầu tư

a) Đối với Chủ đầu tư dự án:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả của dự án theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Tùy vào mức độ vi phạm, việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thực hiện theo Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ và xử lý vi phạm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự;

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu Chủ đầu tư vi phạm quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, cơ quan có thẩm quyền chỉ phê duyệt, giải quyết thủ tục hành chính khi có hồ sơ kiểm điểm trách nhiệm, xử lý vi phạm của Chủ đầu tư, cấp quyết định đầu tư đối với cá nhân, đơn vị vi phạm; tùy theo mức độ vi phạm phải được xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cơ quan, cá nhân cung cấp thông tin, giải quyết thủ tục hành chính nếu vi phạm quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, tùy theo mức độ vi phạm phải được xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác thẩm định dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật và người quyết định đầu tư về kết quả thẩm định dự án và các nội dung trình phê duyệt của mình; tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về quyết định của mình đối với những dự án đầu tư không hiệu quả, gây thất thoát lãng phí vốn đầu tư.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; Chánh thanh tra các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra và thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước; trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý;

- Hàng quý, 6 tháng, năm tổng hợp kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Thanh tra tỉnh.

g) Đối với công tác giám sát và đánh giá đầu tư: Các chủ thể thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 14 quy định này và các tổ chức, cá nhân liên quan vi phạm trong giám sát đánh giá đầu tư sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

2. Trong hoạt động xây dựng

a) Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để áp dụng hình thức xử lý kỷ luật, xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp các hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại.

b) Công bố hành vi vi phạm trên trang tin điện tử (Website) của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng.

c) Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm Sở Xây dựng tổng hợp tình hình vi phạm hành chính của các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong công tác thanh toán vốn đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành

a) Sau khi hoàn thành dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quyết toán theo quy định. Việc xử lý vi phạm thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Không giao kế hoạch vốn đầu tư dự án mới cho các Chủ đầu tư có dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành từ 06 tháng trở lên so với thời gian quy định.

Điều 21. Xử lý chuyển tiếp

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý việc phân bổ chi tiết nguồn vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh (bao gồm cả phần vốn phân bổ cho cấp huyện theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công) để tập trung đầu tư hoàn thành đối với các dự án dở dang, chuyển tiếp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư từ năm 2019 trở về trước theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 5 năm đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

2. Đối với dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, đã triển khai thi công, mua sắm hoặc đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công, mua sắm: Việc tổ chức quản lý, triển khai dự án thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quyết định đầu tư được duyệt và các quy định hiện hành.

3. Đối với dự án thuộc cấp tỉnh quản lý theo phân cấp, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư hoặc dự án thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý theo phân cấp thuộc dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phương án chuyển tiếp đối với từng dự án cụ thể để tiếp tục triển khai thực hiện và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh, tổng hợp báo cáo HĐND tỉnh.

4. Đối với dự án thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý theo phân cấp, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã quyết định đầu tư nhưng chưa được bố trí vốn thì Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nghiên cứu, xem xét, sử dụng các hồ sơ, tài liệu liên quan đã được thẩm định để hoàn thiện lại theo đúng trình tự, thủ tục về phân cấp quản lý nguồn vốn, phân cấp quản lý công trình quy định tại quyết định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các dự án có sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, hoặc những vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Tiến Hưng